

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41,321,364,281	29,998,601,422
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,330,585,534	11,077,689,584
1. Tiền	111		2,330,585,534	577,689,584
2. Các khoản tương đương tiền	112			10,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14,268,180,132	11,240,405,660
1. Phải thu khách hàng	131		12,764,851,484	8,936,433,772
2. Trả trước cho người bán	132		185,632,000	435,632,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1,317,696,648	1,868,339,888
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		24,626,549,855	7,490,501,212
1. Hàng tồn kho	141		24,626,549,855	7,490,501,212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		96,048,760	190,004,966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21,836,560	28,630,008
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		74,212,200	161,374,958
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19,489,338,561	17,446,812,213
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		19,010,258,802	17,062,649,122
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12,365,647,233	10,187,206,463
- Nguyên giá	222		42,421,251,704	43,463,237,443
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30,055,604,471)	(33,276,030,980)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		6,644,611,569	6,875,442,659
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		479,079,759	384,163,091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		479,079,759	384,163,091
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60,810,702,842	47,445,413,635
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		36,755,157,591	23,349,984,219
I. Nợ ngắn hạn	310		28,651,228,712	14,959,259,658
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		28,477,067,844	12,997,591,508
3. Người mua trả tiền trước	313		5,669,817	5,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		351,671,526	75,946,641
5. Phải trả người lao động	315			248,489,210
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		767,522,086	1,632,232,299
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(950,702,561)	
II. Nợ dài hạn	330		8,103,928,879	8,390,724,561
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		7,855,862,000	7,955,862,000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		248,066,879	279,653,479
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			155,209,082
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24,055,545,251	24,095,429,416
I. Vốn chủ sở hữu	410		24,055,545,251	24,095,429,416
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20,159,850,000	20,159,850,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		28,368,962	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,497,912,513	1,497,912,513
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		943,655,580	959,154,802
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,425,758,196	1,478,512,101
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60,810,702,842	47,445,413,635
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

Giám đốc công ty

Phan Thị Thu Hà

Phan Thị Thu Hà

Lê Hồng Quế

CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Địa chỉ: Tổ 60 - thị trấn Đông anh - TP Hà nội

Tel:043.9680296 Fax: 043.8833786

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm tài chính 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5,520,182,397	12,612,930,549	50,826,153,460	45,830,650,531
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,309,091	131,818,180	1,309,091	131,818,180
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5,518,873,306	12,481,112,369	50,824,844,369	45,698,832,351
4. Giá vốn hàng bán	11		5,940,505,391	11,646,887,625	48,148,036,125	40,671,521,324
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		(421,632,085)	834,224,744	2,676,808,244	5,027,311,027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		475,642,842	15,229,435	1,012,991,851	48,566,811
7. Chi phí tài chính	22			7,585,674		376,868,182
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24		18,500,000	8,670,000	52,880,000	70,920,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,449,676,046	1,201,179,218	5,352,655,684	3,846,213,339
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		(1,414,165,289)	(367,980,713)	(1,715,735,589)	781,876,317
11. Thu nhập khác	31		1,500,455,948	964,107,415	1,904,766,949	971,080,785
12. Chi phí khác	32		47,258,074	55,646,451	56,696,208	63,815,227
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		1,453,197,874	908,460,964	1,848,070,741	907,265,558
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			-		-

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		39,032,585	540,480,251	132,335,152	1,689,141,875
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9,758,148	149,937,432	33,083,790	437,102,609
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-		-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		29,274,437	390,542,819	99,251,362	1,252,039,266
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			-		-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62			-		-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		15	194	49	621

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc công ty

Phan Thị Thu Hà

Phan Thị Thu hà

Lê Hồng Quế

CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Địa chỉ: Tổ 60 - thị trấn Đông anh - TP Hà nội

Tel:043.9680296 Fax: 043.8833786

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm tài chính 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		13,068,917,243	5,242,413,958
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(14,104,010,982)	(1,328,477,568)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,452,772,699)	(1,263,797,000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(7,585,674)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(13,152,495)	(88,561,564)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		144,594,851	451,408,977
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2,224,396,483)	(1,765,105,954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4,580,820,565)	1,240,295,175
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kh	21		(45,806,000)	(1,479,149,091)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn t	22			
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,500,000,000)	
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11,300,000,000	
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		475,642,842	15,229,435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4,229,836,842	(1,463,919,656)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của c	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(1,277,587,207)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1,277,587,207)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(350,983,723)	(1,501,211,688)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		928,673,307	3,980,757,490
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		577,689,584	2,479,545,802

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc công ty

Phan Thị Thu Hà

Phan Thị Thu Hà

Lê Hồng Quế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành Phố Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1576/QĐ - BGD&ĐT – TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ giáo dục và đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hoá, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hoá (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thay đổi chính sách kế toán trong năm

Từ năm 2009, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3- Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
- Tiền mặt	33 704 129	68 750 796
- Tiền gửi ngân hàng	543 985 455	2 261 834 738
- Các khoản tương đương tiền	10 500 000 000	
Cộng	11 077 689 584	2 230 585 534
4- Các khoản phải thu khác	31/12/2011	01/01/2011
- Phải thu người lao động	-	942 054 836
- Phải thu khác	1 868 339 888	358 253 964
Cộng	1 868 339 888	1 300 308 800
5- Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
- Nguyên liệu, vật liệu	4 738 495 327	22 569 712 218
- Chi phí SX, KD dở dang	420 770 373	1 306 344 447
- Thành phẩm	2 331 235 512	718 345 742
- Hàng gửi bán	-	32 147 448
Cộng giá gốc hàng tồn kho	7 490 501 212	24 626 549 855

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội

Địa chỉ: Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiên trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu kỳ	4 604 048 247	36 609 165 302	1 929 999 761	351 610 733	43 494 824 043
Tăng trong kỳ - Mua trong năm - Đầu tư XD CB hoàn thành					
Số giảm trong năm - Thanh lý, nhượng bán			31 586 600		31 586 600
Số dư cuối kỳ	4 604 048 247	36 609 165 302	1 898 413 161	351 610 733	43 463 237 443
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	2 382 862 996	29 383 554 929	607 067 532	256 890 199	32 630 375 656
Số tăng trong năm - Khấu hao trong kỳ	73 119 544	564 058 670	31 314 362	8 749 348	677 241 924
Số giảm trong năm - Thanh lý, nhượng bán			31 586 600		31 586 600
Số dư cuối kỳ	2 455 982 540	29 947 613 599	606 795 294	265 639 548	33 276 030 980
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu kỳ	2 221 185 251	7 225 610 373	1 322 932 229	94 720 534	10 864 448 387
- Tại ngày cuối kỳ	2 148 065 707	6 661 551 703	1 291 617 867	85 971 185	10 187 206 463

7- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	31/12/2011	01/01/2011
- Tổng chi phí XDCB dở dang:	6 875 442 659	6 644 611 569
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Công trình: mở rộng mặt bằng sản xuất	6 875 442 659	6 644 611 569

8- Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
- Vay ngắn hạn		
Cộng		

9- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	75 946 641	304 404 645
- Thuế TNDN	9 758 149	149 937 204
- Thuế GTGT phải nộp	66 166 092	154 445 041
- Tiền thuế đất phải nộp		-
- Thuế thu nhập cá nhân	22 400	22 400

10- Chi phí phải trả dài hạn	384 163 091	479 079 759
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	643 940	127 946 059
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	383 519 151	351 133 700

11- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1 632 232 299	767 522 086
- Kinh phí công đoàn	263 138 124	145 852 339
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	36 818 181	36 818 181
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1 332 275 994	584 851 566

12- Vay và nợ dài hạn	248 066 879	248 066 879
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	279 653 479	248 066 879

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội

Địa chỉ: Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	6	7	8	9
Số dư đầu kỳ trước	20 159 850 000	1 497 912 513	959 154 802	(1 100 939 559)	1 409 780 179
- Tăng vốn trong kỳ trước		-			
- Lợi nhuận tăng trong kỳ trước				656 836	39 457 485
- Chia cổ tức kỳ trước					
- Chia khác				47 277 700	
Số dư cuối kỳ trước	20 159 850 000	1 497 912 513	959 154 802	(1 147 560 423)	1 449 237 664
Tăng kỳ này	-	-	-		29 274 437
- Lợi nhuận tăng trong kỳ				1 472 479 352	
- Chia cổ tức kỳ này					
- Chia khác				325 218 929	
Số dư cuối kỳ này	20 159 850 000	1 497 912 513	959 154 802	0	1 478 512 101

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (theo giấy đăng ký kinh doanh)

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu năm	20.159.850.000	20.159.850.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	20.159.850.000	20.159.850.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
<i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>		
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		

<i>đ- Cổ phiếu</i>	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2 015 985	2 015 985
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2 015 985	2 015 985
+ Cổ phiếu phổ thông	2 015 985	2 015 985
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2 015 985	2 015 985
+ Cổ phiếu phổ thông	2 015 985	2 015 985
+ Cổ phiếu ưu đãi		

14- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	5 518 873 306	12 481 112 369

15- Giá vốn hàng bán	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	5 940 505 391	11 646 887 625

16- Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	475 642 842	15 229 435

17- Chi phí tài chính	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010
- Lãi tiền vay	-	7 585 674

18- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9 758 148	135 120 291
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9 758 148	135 120 291

19- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010
- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	39 032 585	405 359 960
- Cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong kỳ	2 015 985	2 015 985
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	201

20- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2 633 339 872	9 072 111 669
- Chi phí nhân công	2 983 768 326	1 824 505 668
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	677 241 924	929 249 813
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	510 484 976	313 722 901
- Chi phí khác bằng tiền	651 104 413	780 378 887
Cộng	7 455 939 511	12 919 968 968

21. Thông tin báo cáo bộ phận:

a. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

b. Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

22. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010
Doanh thu từ bán hàng:			
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	22 251 291	26 817 378
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà nội	đơn vị thuộc NXBGDVN	3 681 549 989	9 608 582 039

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội

Địa chỉ: Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

- Công ty CP Bản Đồ & TAGD	Công ty con NXBGDVN	414 631 253	60 250 302
- Công ty CP Sách Đại học dạy nghề	Công ty con NXBGDVN	116 977 817	278 554 930
- Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Hà nội	Công ty con NXBGDVN	241 198 040	248 761 954
- Công ty CP Học Liệu Giáo dục Hà nội	Công ty con NXBGDVN	29 500 952	119 943 631
- Công ty CP Mĩ thuật & truyền thông	Công ty con NXBGDVN	91 525 860	307 105 904
- Công ty CP Dịch vụ XB Hà Nội	Công ty con NXBGDVN	363 398 500	109 444 542
- Công ty CP PHS và TBTH Miền Bắc	Công ty con NXBGDVN	15 407 639	-
- Tạp chí Toán học & tuổi trẻ	Công ty con NXBGDVN	119 219 970	-
- - Công ty CP Sách TBTH Hà Tây	Công ty con NXBGDVN	28 113 650	25 308 316

Khách hàng trả tiền

- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà nội	đơn vị thuộc NXBGDVN	7 831 055 747	572 619 707
- Công ty CP Bản Đồ & TAGD	đơn vị thuộc NXBGDVN	760 000 000	502 328 150
- Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Hà nội	Công ty con NXBGDVN	335 355 640	468 131 126
- Công ty CP sách Dân Tộc	Công ty con NXBGDVN	632 989 000	-
- Công ty CP Mĩ thuật & truyền thông	Công ty con NXBGDVN	447 156 958	303 968 800
- Công ty CP Học Liệu Giáo dục Hà nội	Công ty con NXBGDVN	142 169 750	598 958 817
- Công ty CP Dịch vụ XB Hà Nội	Công ty con NXBGDVN	201 440 000	100 000 000
- Tạp chí Toán học & tuổi trẻ	Công ty con NXBGDVN	40 000 000	-
- Công ty CP Sách Đại học dạy nghề	Công ty con NXBGDVN	487 671 557	1 092 481 901
- Công ty CP PHS và TBTH Miền Bắc	Công ty con NXBGDVN	72 527 093	-
- Công ty CP Sách TBTH Hà Tây	Công ty con NXBGDVN	1 043 677 125	297 524 300

Công nợ phải thu:**31/12/2011****31/12/2010**

- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	181 618 712	37.259.325
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà nội	đơn vị thuộc NXBGDVN	6 762 218 042	10.369.439.254
- Công ty CP Bản Đồ & TAGD	Công ty con NXBGDVN	198 948 549	138.925.336
- Công ty CP Học Liệu Giáo dục Hà nội	đơn vị thuộc NXBGDVN	203 499 561	-
- Công ty CP Sách Đại học dạy nghề	Công ty con NXBGDVN	100.000.000	100.000.000

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội

Địa chỉ: Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

- Công ty CP Mĩ Thuật & Truyền Thông	Công ty con NXBGDVN	100 073 460	500.557.749
- Công ty CP Dịch Vụ XB Hà Nội	Công ty con NXBGDVN	583 936 091	153.915.135
- Công ty CP Sách Dân Tộc	Công ty con NXBGDVN	462 552 631	1.032.581.911
- Tạp chí Toán học & tuổi trẻ	Công ty con NXBGDVN	91 160 180	
- Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Hà nội	Công ty con NXBGDVN	85 663 395	-
Tiền ứng đầu tư MR mặt bằng SX:		<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
- Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Hà nội	Công ty con NXBGDVN	2 040 511 000	2 040 511 000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà nội	Công ty con NXBGDVN	1 694 351 000	1 594 351 000
- Công ty CP Sách TBTH Miền Bắc	Công ty con NXBGDVN	2 115 500 000	2 115 500 000
- Cty CP SGD tại TP Hà Nội	đơn vị thuộc NXBGDVN	2 105 500 000	2 105 500 000

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc****Phan Thị Thu Hà****Phan Thị Thu Hà****Lê Hồng Quế**

Hà nội, ngày 15 tháng 01 năm 2012

GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Tên giao dịch của tổ chức: **CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI**

Địa chỉ liên lạc: Tổ 60 - Thị trấn Đông anh - huyện Đông Anh – TP Hà nội

Điện thoại : 04.39680296 Fax: 04.38833786

Mã chứng khoán: TPH

Xin giải thích nguyên nhân dẫn đến biến động giảm lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2011 so với quý 3 năm 2010 :

-Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4 năm 2010 đạt: 390 542 819 đồng

-Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4 năm 2011 đạt: 29 274 437 đồng

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2011 giảm do năm 2011, giá cả vật tư ngành in đầu vào tăng cao, chi phí tiền lương BHXH tăng, tiền thuê đất tăng cao so với cùng kỳ năm 2010. Trong khi đó việc tăng giá công in sách không đủ để bù đắp phần tăng lên của các chi phí trên .

Trên đây là nội dung giải trình và công bố thông tin báo cáo tài chính quý 4 năm 2011 của Công ty cổ phần In sách giáo khoa tại TP Hà Nội. Báo cáo tài chính quý 4 năm 2011 được đăng tải trên website : www.hapco.vn

Trân trọng .

**Người đại diện theo pháp luật
Giám đốc**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

Lê Hồng Quế